



VAI TRÒ CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA

PG.S. TS. NGUYỄN QUỐC HÙNG*

TÓM TẮT

Với sự quyết tâm của cộng đồng, di sản văn hóa trên đất nước ta vẫn được gìn giữ, trao truyền đến ngày nay. Trong bối cảnh thực tại, có một số tác động tiêu cực của sự phát triển đối với di sản văn hóa. Để bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa được tốt, tạo ra sự hài hòa giữa bảo tồn và phát triển, cần có những biện pháp chủ động, thích hợp để phát huy sức mạnh tiềm tàng của cộng đồng, tránh hình thức, áp đặt.

Từ khóa: di sản văn hóa; cộng đồng; bảo tồn; phát huy.

ABSTRACT

With the determination of communities, Vietnam's cultural heritage has been preserved and handed down until today. There are some negative effects to the development of cultural heritage in contemporary context. To have better preservation and promotion, and create the harmony between preservation and development, it is needed to have active and suitable solutions to promote the potentials of community.

Key words: cultural heritage; community; preservation; promotion.

Trong mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước, cho dù trải qua nhiều biến cố lịch sử, lúc thịnh, lúc suy, cộng đồng các dân tộc Việt Nam đã sáng tạo và gìn giữ được một kho tàng di sản văn hóa vật thể và phi vật thể vô cùng giá trị, nhiều về số lượng, phong phú về loại hình, đa dạng trong biểu đạt. Cho tới nay, theo thống kê sơ bộ, trên cả nước đã có hơn 4 vạn di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh được kiểm kê, với 3.258 di tích quốc gia và 7.535 di tích cấp tỉnh; gần 3 triệu hiện vật trong các bảo tàng; hàng ngàn di sản văn hóa phi vật thể được kiểm kê, 95 di sản văn hóa phi vật thể đã được ghi vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Đó là chưa kể hàng ngàn, hàng vạn di sản văn hóa vật thể, như nhà ở dân gian truyền thống, cổ vật và di sản văn hóa phi vật thể còn ẩn tàng trong dân gian chưa được phát hiện, nghiên cứu. Khối lượng di sản văn hóa to lớn đó được các thế hệ người Việt Nam sáng tạo, bảo tồn

và trao truyền đến ngày nay, cho dù đã nhiều lần bị giặc ngoại xâm cố tình tìm cách hủy diệt, thiên tai, dịch bệnh, đói nghèo tàn phá. Trong số đó, 8 di sản văn hóa và thiên nhiên đã được tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hiệp quốc (UNESCO) ghi vào Danh mục Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, 9 di sản văn hóa phi vật thể được ghi vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại và Danh sách Di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp.

Thực tế đã cho thấy, đến tận những năm gần đây, khi công nghiệp hóa, hiện đại hóa đang là xu thế phát triển mạnh mẽ của đất nước, nhưng tại các làng quê, nơi nào cũng sẵn có những hiệp thợ thủ công, thợ mộc, thợ nề có thể đảm đương việc xây dựng các công trình kiến trúc truyền thống tại địa phương. Mỗi làng đều có đội ngũ nhân sự, nghệ nhân đủ sức đảm đương việc tổ chức lễ hội thường niên, duy trì các hoạt động văn hóa phi vật thể của làng. Về thăm các địa phương, chúng ta không khỏi ngạc nhiên, khi xưa, trong điều kiện kinh tế khó

* Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam

khăn, thiên tai, dịch họa xảy ra liên miên, dân số chưa nhiều, ngoài một số ít đền, chùa nổi tiếng do vua chúa và quan lại các thời cho xây dựng, hầu như tại làng nào, người dân sở tại cũng tự vận động góp công, góp của xây dựng được đình thờ Thành hoàng làng, chùa thờ Phật riêng cho làng mình. Người xưa đã có câu: “Chuông làng nào làng ấy đánh; Thánh làng nào làng ấy thờ” để nói lên điều đó. Trong bối cảnh nông thôn xưa kia vẫn được xem là “đóng kín”, mỗi ngôi làng như một xã hội thu nhỏ bên trong lũy tre, với đầy đủ các thiết chế hành chính, văn hóa, tôn giáo, luật tục... Chúng ta bản khoăn tự hỏi, xã hội tiểu nông xưa có thật sự khép kín khi những di tích, di vật mang phong cách kiến trúc, nghệ thuật các thời Lý, Trần, Lê không chỉ có mặt ở kinh đô Thăng Long và vùng đồng bằng Bắc Bộ, mà còn xuất hiện ở các tỉnh miền núi phía Bắc và vùng Nghệ, Tĩnh, Bình, Trị, Thiên. Đến thời Nguyễn, sự lan tỏa của các thành quả văn hóa, nghệ thuật còn rộng rãi hơn nhiều, trải đều trên phạm vi cả nước.

Tương tự như di sản văn hóa vật thể, di sản văn hóa phi vật thể đã được cộng đồng các dân tộc Việt Nam sáng tạo, gìn giữ, trao truyền từ ngàn xưa, nhiều di sản không đóng khung trong phạm vi một làng, mà lan tỏa trên một vùng, tạo nên dấu ấn văn hóa của riêng cho mỗi miền quê, tộc người. Kinh Bắc có dân ca Quan họ, đất tổ Phú Thọ có hát Xoan, rồi Ca Huế, Bài chòi Trung Bộ, Đờn ca Tài tử Nam Bộ, Cồng chiêng Tây Nguyên, hát Then của người Tày, lễ Cấp sắc của người Dao, nghệ thuật sân khấu Dù Kê của người Khơ Me Nam Bộ, dẹt thổ cẩm của người Cơ Tu...

Từ xưa đến nay, tại các công trình kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng, như đình, đền, chùa đều mở hội thường niên. Hội đình, đền thường được mở vào ngày sinh hoặc ngày hóa của thần, Thành hoàng làng, “xuân thu nhị kỳ”. Hội chùa nhiều nơi còn kéo dài cả tháng, như hội chùa Hương, hội chùa Yên Tử, thu hút khách thập phương trên cả nước. Có hội tổ chức rước kiệu qua một số chùa trong vùng, như hội chùa Tứ pháp vùng Dâu (Bắc Ninh). Những đình, đền, chùa ấy đã trở thành nơi bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của cộng đồng. Đến nay, hầu hết các đình, đền, chùa tiêu biểu đã được xếp hạng di tích quốc gia hoặc di tích cấp tỉnh.

Có thể nói, cộng đồng chính là cội nguồn của sự sáng tạo, lan truyền, tiếp thu các thành quả văn hóa, tạo nên sự thống nhất bản sắc văn hóa của các vùng, miền và cả nước.

Vừa là các chủ thể sáng tạo ra di sản văn hóa, cộng đồng cũng chính là cái nôi nuôi dưỡng, chăm sóc di sản văn hóa. Xưa kia, khi công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa chưa hình thành như một ngành mang tính khoa học, các hoạt động có tính chất bảo tồn di tích đã được cộng đồng thực hiện thường xuyên. Tuy những thao tác truyền thống đó so với các quy ước khoa học hiện nay có thể có những điều không phù hợp, nhưng việc chăm sóc, bảo vệ di sản văn hóa như người xưa đã làm vẫn rất đáng trân trọng. Đối với các công trình kiến trúc công cộng, làng nào cũng quy định việc cắt cử người trông nom, chăm sóc, bảo vệ (chùa có sư, vãi, đình, đền có các thủ từ, thủ nhang). Ở nhiều địa phương, việc cắt cử các thủ từ được lựa chọn khá kỹ càng, thường là người khỏe mạnh, trong nhà phải còn cả cụ ông và cụ bà, con cháu ngoan ngoãn không vi phạm pháp luật và quy ước của làng, nhà không có tang... Bên cạnh việc lựa chọn người trông nom đình, chùa, khi nền kinh tế thị trường chưa phát triển, làng nào dù khó khăn đến mấy cũng đồng lòng bố trí ruộng hương hỏa cho việc thờ phụng, lễ lạt, đình có ruộng đình, chùa có ruộng chùa, đền có ruộng đền, văn chỉ có ruộng văn chỉ. Những người trông nom, chăm sóc công trình được giao những ruộng đất ấy canh tác lấy hoa màu thực hiện việc hương hỏa trong năm.

Có nhiều gia đình, do những nguyên nhân về tâm linh và được nhân dân địa phương tín nhiệm, đã gắn bó với việc trông nom đền, miếu qua nhiều thế hệ.

Ngoài việc cắt cử người trông nom, cứ một vài năm, các làng đều tổ chức đảo ngói, chống dột cho công trình, khoảng vài chục năm thì tổ chức trùng tu lớn.

Để có công, của cho việc trùng tu công trình, các địa phương có nhiều hình thức vận động, như huy động sự đóng góp của những người có hàng tâm, hàng sản trong làng, những người giàu cô đơn có nguyện vọng sau khi mất góp tài sản cho việc trùng tu đình, chùa, đền của làng. Cũng có những



Rước kiệu trong hội đền Trần (Nam Định) - Ảnh: Nguyễn Thu Hương

trường hợp làng phải tổ chức bán nhiều, bán xã cho nhà giàu trong làng hoặc quy định ai lấy vợ là con gái làng phải nộp cheo bằng vật liệu, như gạch, ngói để góp phần xây dựng hoặc tu sửa đình, chùa.

Cộng đồng cũng có nhiều hình thức phù hợp để ghi công những người có hăng tâm, hăng sản, như tạc tượng hậu, phù điêu, bài vị để phối thờ hoặc lập bia hậu ghi tên những người cúng hậu, nhằm ghi ơn và khích lệ mọi người noi theo làm việc thiện. Hầu hết các di tích đều còn lưu giữ được các kỷ vật mách bảo về các hình thức ghi nhớ công lao của những người đã góp công, góp của bảo vệ di tích.

Đối với di tích khảo cổ ẩn sâu trong lòng đất, từ nhiều năm qua, phần lớn được người dân phát hiện ngẫu nhiên trong quá trình lao động sản xuất, xây dựng. Các phát hiện được thông báo cho cơ quan chuyên môn đến nghiên cứu, khai quật. Sau khi các nhà chuyên môn rút đi, việc bảo vệ các di tích lại nằm trong tay chính quyền và nhân dân địa phương. Nhiều địa phương đã có những hình thức bảo tồn và phát huy giá trị loại hình di tích này khá chu đáo.

Di sản văn hóa phi thể ở mỗi địa phương đã được các cộng đồng sáng tạo và được duy trì bằng nhiều hình thức, tổ chức truyền dạy, luyện tập, thi trình diễn hoặc lựa chọn tham gia trong các nghi lễ. Các vị tổ nghề được lập đền thờ, bài bản, bí quyết nghề nghiệp được gìn giữ truyền dạy trong cộng đồng từ thế hệ này sang thế hệ khác. Hội hè ở các địa phương được tổ chức đều đặn hằng năm, do người địa phương đảm nhiệm toàn bộ, từ vai chủ tế, đọc văn, đến người cầm cờ, khiêng kiệu, bập núc, múa hát...

Ngoài vai trò to lớn của cộng đồng sở tại, khách thập phương cũng đã góp phần không nhỏ vào việc khích lệ việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa. Khách thập phương không chỉ là những người tham quan du lịch đơn thuần, họ đóng góp tích cực các nguồn lực cho sự sáng tạo văn hóa và động viên cộng đồng sở tại yêu quý, tự hào hơn về những di sản văn hóa mà mình nắm giữ.

Từ khi thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (sau đổi thành Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam) đến nay, Nhà nước đã ban hành hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về di sản văn hóa, tổ chức

bộ máy quản lý di sản văn hóa (quản lý nhà nước và hoạt động sự nghiệp) từ Trung ương đến địa phương, hỗ trợ kinh phí chống xuống cấp và tu bổ di tích, nghiên cứu bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể. Theo thống kê chưa đầy đủ, đến nay, cả nước có hơn 1 vạn di tích được xếp hạng các cấp, hàng ngàn lượt di tích đã được tu bổ ở các mức độ khác nhau, hàng trăm di sản văn hóa phi vật thể được nghiên cứu, làm tư liệu lưu trữ bằng nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa.

Tuy sự hỗ trợ của Nhà nước vào công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa ngày càng sâu rộng trong nhiều hoạt động và đã đạt được nhiều kết quả quan trọng (di sản văn hóa được cứu vãn, bảo vệ, góp phần vào công tác giáo dục truyền thống và phát triển kinh tế đất nước), nhưng vai trò của cộng đồng vẫn rất lớn, gần như quyết định sự thành bại của công tác bảo vệ di sản văn hóa, nhất là tại các di tích là khu phố cổ, làng cổ, vùng đồng bào dân tộc ít người. Trên thực tế, các ban quản lý di tích dưới dạng đơn vị sự nghiệp ở địa phương trong hệ thống nhà nước từ cấp tỉnh cho đến cấp huyện cũng mới chỉ được lập ở một số di tích có đông khách thập phương, có nguồn thu lớn. Cả nước hiện có chưa đầy 100 ban quản lý di tích như vậy trong tổng số hơn 1 vạn di tích được xếp hạng, tức chưa được 1%. Các di tích còn lại không có hoặc ít khách tham quan, nguồn thu từ di tích không đáng kể. Ở nhiều địa phương, trên danh nghĩa là có ban quản lý di tích do cấp huyện, cấp xã thành lập, nhưng thực chất vẫn do cộng đồng sở tại quản lý, chăm sóc, bảo vệ. Ngay tại các di tích lớn có tổ chức ban quản lý trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, như khu di tích đền Hùng (Phú Thọ), hay ban quản lý di tích trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, như khu di tích Côn Sơn - Kiếp Bạc (Hải Dương), đền Trần (Nam Định)..., các hoạt động lễ hội và sinh hoạt tín ngưỡng vẫn do nhân dân địa phương đảm nhiệm thực hành hằng năm theo các tập tục truyền thống. Các ban quản lý di tích đóng trên địa bàn chỉ làm nhiệm vụ nghiệp vụ chuyên môn, là bảo tồn và phát huy giá trị di tích theo chức năng cơ quan nghiệp vụ nhà nước.

Nguồn kinh phí từ ngân sách Nhà nước cấp cho việc chống xuống cấp và tu bổ di tích trong 20 năm qua là rất lớn, nhưng so với nhu cầu vẫn còn khá

khiêm tốn, với vài trăm tỷ đồng một năm, chia ra mỗi tỉnh cũng chỉ được vài tỷ một năm. Con số đó chưa đủ để mỗi tỉnh tu bổ một ngôi đình theo thời giá hiện nay. Đó là chưa nói đến những di tích đã lập quy hoạch được các cấp thẩm quyền phê duyệt, có nhu cầu cả trăm, ngàn tỷ đồng cho tu bổ, tôn tạo một khu di tích. Chính nguồn vốn huy động từ xã hội hóa theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm đã bổ sung đáng kể cho sự thiếu hụt đó. Có thể nói, công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa ở nước ta nếu chỉ có sự quan tâm của Nhà nước thôi thì không bao giờ đáp ứng được yêu cầu. Tuy nhiên, việc sử dụng nguồn xã hội hóa cũng như phân cấp quản lý trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa ở nước ta trong thời gian qua còn bộc lộ nhiều hạn chế so với yêu cầu khoa học.

Dư luận đã nói nhiều về các hiện tượng quản lý di tích chưa tốt về an ninh, trật tự, vệ sinh môi trường, ăn mày, ăn xin làm mất sự trang nghiêm của nơi thờ cúng, buôn bán chèo kéo làm phiền lòng khách thập phương. Nạn trộm cắp, cờ bạc, dịch vụ, hàng quán lộn xộn mất mỹ quan, rồi việc để tiền vào tay tượng, cắm hương, đốt đồ mã tràn lan, viết sớ, khấn thuê, bán đồ lễ với giá cao vẫn xảy ra thường xuyên ở các kỳ lễ hội, dù đã được chấn chỉnh nhiều lần. Việc nhà chùa, cư dân địa phương khi nhận được công đức tổ chức, xây dựng, tu sửa di tích đã được xếp hạng không theo quy định của *Luật di sản văn hóa*, *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa* và các văn bản quy phạm pháp luật kèm theo, gây ra tình trạng làm sai lệch yếu tố gốc, làm mới di tích. Việc tiếp nhận đồ tự khí, linh vật không phù hợp với truyền thống di tích ở nước ta cũng như hành động chặt cây phá rừng, săn bắt động vật quý hiếm tại các di sản thiên nhiên đã gây ra nhiều điều phản cảm. Không ít địa phương vẫn còn tình trạng áp đặt kịch bản, làm cho lễ hội trở nên khô cứng, máy móc... Thêm vào đó là quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa đang diễn ra mạnh mẽ trên phạm vi cả nước, không ít làng cổ đã trở thành phường, phố, di tích bị dịch chuyển vị trí, nhà mái ngói thay bằng nhà mái bằng cao tầng...

Việc phát huy giá trị ở các di tích liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo cũng chưa được quan tâm đúng mức. Hầu hết các ngôi chùa ở nước ta được

xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật hoặc danh lam thắng cảnh, nhưng người ta chỉ quan tâm đến sự thiêng liêng của Phật giáo mà quên đi việc giới thiệu vẻ đẹp cảnh quan thiên nhiên và những tài năng sáng tạo của các bậc tiền nhân khi tạo dựng nên các ngôi chùa trong các cảnh quan ấy. Tài năng của người xưa thông qua việc chọn vị trí, tổ chức quy hoạch, sân vườn, hình dáng kiến trúc, vật liệu, nghệ thuật trang trí và giá trị mỹ thuật của hệ thống tượng thờ cũng như đồ tự khí bày ở nội thất và ngoại thất chùa không được mấy người chú ý khi đến thắp nhang thờ Phật.

Thực ra, những hiện tượng nêu trên cũng chỉ xảy ra tại một số di tích thu hút nhiều khách thập phương vào những dịp lễ hội, hoặc nơi chính quyền địa phương buông lỏng quản lý. Trong những năm gần đây, do nỗ lực của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch, cùng chính quyền địa phương, ở những di sản này, một số hoạt động tiêu cực đã giảm đi đáng kể, nếp sống văn hóa tại các di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh đã được thể hiện khá rõ nét.

Gần đây, do những tác động của suy thoái kinh tế toàn cầu và những nguyên nhân kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng khác, nguồn ngân sách của Nhà nước đầu tư cho công tác chống xuống cấp và tôn tạo di tích đã giảm đi từ vài năm qua và dự báo có thể sẽ còn tiếp tục giảm trong thời gian tới, nhiều di tích đã ứng vốn tu bổ chưa biết lấy ngân sách ở nguồn nào để trả cho đơn vị thi công.

Có thể nói, trên thực tế, dù Nhà nước có đầu tư kinh phí hay không thì di sản văn hóa, với tư cách là những thành quả do cộng đồng sáng tạo ra, phục vụ cho lợi ích của cộng đồng, vẫn được cộng đồng ra sức bảo tồn. Trong những lúc khó khăn của lịch sử nước nhà, nhiều di sản văn hóa tưởng chừng đã bị hủy hoại, mai một, nhưng cộng đồng vẫn kiên trì gìn giữ. Có những ngôi đền ở nơi hẻo lánh, xuống cấp, hư hỏng, người dân tự đứng ra kêu gọi người thập phương có tâm đóng góp công của tu sửa, như đền Thượng (Ba Vì, Hà Nội). Không ít di sản văn hóa phi vật thể từng bị ngưng hoạt động nay được phục hồi và đề nghị đưa vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia cũng như Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, như Nghi lễ Châu văn, chèo Tàu Tân Hội (Hà Nội). Đối với các

di sản văn hóa vùng đồng bào dân tộc ít người, việc bảo tồn và phát huy giá trị vẫn do cộng đồng thực hiện theo truyền thống, sự hỗ trợ của Nhà nước chỉ rất khiêm tốn.

Vì sao trong thời kỳ quân chủ, mặc dù tiềm lực kinh tế của đất nước khiêm tốn hơn nhiều so với hiện nay, đời sống cư dân khi ấy cũng không thể so được với hiện nay, dân số trong mỗi làng quê cũng thưa hơn so với bây giờ, nhưng làng nào cũng huy động được kinh phí xây dựng đình, chùa, đền. Có làng còn dựng tới hai đình (đình trong, đình ngoài), hai chùa (chùa trên, chùa dưới), hai đền hoặc ba đền (đền thượng, đền trung, đền hạ). Nhiều ngôi đình, chùa có quy mô rất lớn (chùa trăm gian). Các bậc tiền nhân làm cách nào để huy động các nguồn lực to lớn đó, trong khi hiện nay, con cháu khá hơn lại không thể huy động kinh phí để tu sửa những công trình di tích do người xưa để lại, đó là một điều đáng phải suy ngẫm để tìm lời giải.

Thời gian qua, chúng ta đã chứng kiến nhiều di tích có nguy cơ sụp đổ vì không có kinh phí, nhưng cũng không ít "đại gia" đã cung tiến vài chục tỷ, thậm chí vài trăm tỷ đồng để xây dựng những khu chùa, tháp, tượng lớn. Điều đó cho thấy, những nguồn lực cho việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa trong cộng đồng là rất lớn, làm sao để huy động được mới là vấn đề cần tìm lời giải.

Cho dù trong bất cứ hoàn cảnh nào thì vai trò của cộng đồng đối với di sản văn hóa nước nhà rất to lớn, cho dù có một số khiếm khuyết như đã nêu ở trên. Vì vậy, cần phải có những cơ chế chính sách thích hợp để khơi dậy nguồn lực tinh thần và vật chất của cộng đồng cho việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa. Cần đúc rút những kinh nghiệm, truyền thống quản lý di sản văn hóa quý báu của cộng đồng hàng ngàn năm qua phù hợp với những nhận thức khoa học trong thời kỳ mới để phát huy. Hạn chế các khiếm khuyết của kinh nghiệm truyền thống, như trùng tu mở mang, xây mới làm cho di tích khang trang hơn, xứng với tầm quan trọng của di tích làm biến dạng di tích, mất đi yếu tố gốc của di tích, hoặc tâm lý muốn đưa các yếu tố mới, ngoại lai vào di tích, cải biên, xây dựng kịch bản cho lễ hội truyền thống...

Kinh nghiệm cho thấy, trong các loại hình di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh ở nước ta

hiện nay, ngoại trừ các di tích liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo nổi tiếng linh thiêng trong một vùng hoặc cả nước, thường nhận được sự quan tâm của người thập phương, như: đền Hùng (Phú Thọ), đền Trần, phủ Giầy (Nam Định), đền Bà chúa Kho (Bắc Ninh), đền Bà chúa Xứ (núi Sam - An Giang, núi Bà Đen - Tây Ninh), chùa Hương (Hà Nội), Yên Tử (Quảng Ninh), đền Mẫu (Đồng Đăng, Lạng Sơn)... có nguồn thu lớn, dễ nhận được sự đóng góp của cộng đồng, những di tích là đình làng, chùa làng không nhận được sự quan tâm của người ngoài địa phương, chính quyền và nhân dân mỗi làng phải tự đứng ra chăm sóc, bảo tồn. Ở những làng còn nghèo, chưa có cơ hội để phát triển, thường rất khó khăn trong việc huy động các nguồn lực bảo tồn di tích. Di tích là nhà thờ họ, đền thờ danh nhân thuộc một dòng họ cũng nằm trong tình trạng tương tự. Di tích cách mạng, kháng chiến tuy nhận được sự quan tâm của nhiều tổ chức, cá nhân, nhưng việc đầu tư bảo tồn, phát huy giá trị vẫn chủ yếu dựa vào nguồn tài chính của Nhà nước.

Ngày nay, khi đất nước đang trên đà phát triển, đổi mới, mở cửa, nhiều di sản văn hóa phi vật thể được chú ý bảo tồn, gìn giữ, nghề thủ công truyền thống và nghệ thuật trình diễn được phục hồi, phát triển trong cộng đồng, nhiều ngành, nghề đem lại những nguồn thu nhập đáng kể, xuất hiện ngày càng nhiều làng nghề thủ công truyền thống không chỉ đem lại những nguồn lợi kinh tế, mà còn góp phần khích lệ công tác bảo tồn những di sản văn hóa mà họ nắm giữ. Tuy vậy, vẫn còn không ít loại hình di sản văn hóa phi vật thể, như lễ hội truyền thống, tập quán xã hội và tín ngưỡng của mỗi làng vẫn do địa phương chăm lo là chính, khó nhận được sự hỗ trợ từ các tổ chức, cá nhân bên ngoài.

Giờ đây, di tích không còn được dành ra một khoản ruộng để lo cho việc hương hỏa, nếu có, số kinh phí thu được từ hoa màu cũng rất ít ỏi so với sự khan hiếm nguyên vật liệu dùng cho việc tu bổ di tích giá cả ngày càng đắt đỏ, do đó, việc huy động các nguồn lực để bảo tồn di tích cần phải đa dạng hơn, phù hợp với hoàn cảnh thực tế của từng địa phương.

Những ví dụ nêu trên cho thấy, việc xã hội hóa công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa cần nghiên cứu kỹ lưỡng cơ hội nhận được sự quan

tâm của cộng đồng đối với từng loại hình di sản văn hóa để có những quy định, hướng dẫn cho phù hợp, tạo điều kiện cho di sản văn hóa được bảo tồn và phát huy giá trị đúng hướng.

Để phát huy tốt hơn vai trò của cộng đồng trong việc bảo vệ di sản văn hóa, song song với việc nâng cao chất lượng của những di tích, cần có ban quản lý di tích chuyên trách, do chính quyền các cấp thành lập, có cán bộ được đào tạo chuyên môn, các cơ quan quản lý di sản văn hóa thuộc hệ thống nhà nước cần hỗ trợ để nâng cao nhận thức về pháp luật, khoa học cho cộng đồng, hướng dẫn cộng đồng phát huy những gì còn phù hợp do truyền thống để lại, loại bỏ những ứng xử có hại cho di sản văn hóa, bổ sung những nhận thức mới, khoa học giúp cộng đồng tự chuyển đổi cách ứng xử đối với di sản văn hóa tại địa phương. Ngăn ngừa, không tiếp tay cho những kẻ săn lũng cổ vật. Tránh tư tưởng trông chờ vào kinh phí của Nhà nước đối với các di tích được xếp hạng cấp quốc gia và cấp quốc gia đặc biệt như đã xuất hiện tại một số địa phương thời gian qua. Không nên can thiệp quá sâu vào các hoạt động di sản văn hóa phi vật thể truyền thống ở mỗi làng quê. Trong các lễ hội thu hút đông khách hành lễ, cơ quan quản lý nhà nước chỉ nên hỗ trợ công tác bảo vệ an ninh, giữ gìn vệ sinh, môi trường, bảo đảm y tế, phòng cháy, chữa cháy, hướng dẫn nghiệp vụ, tuyên truyền về giá trị di tích, giữ gìn nếp sống văn hóa tại các khu di tích.

Chỉ khi nào nhận thức của toàn bộ cộng đồng thay đổi theo hướng mới, nhận thức được những việc cần làm, nên làm, những việc không được làm và không nên làm đối với di sản văn hóa theo quy định của pháp luật hiện hành, việc quản lý nhà nước về di sản văn hóa mới thuận lợi. Khi hoạt động bảo vệ di sản văn hóa của cộng đồng theo truyền thống phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, không bị những thủ tục hành chính rườm rà cản trở, được sự hỗ trợ về cơ chế, chính sách, hướng dẫn nghiệp vụ của cơ quan nhà nước, sức mạnh của cộng đồng sẽ được phát huy mạnh mẽ, tạo cơ sở cho việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa ở nước ta ngày một tốt hơn./.

N.Q.H

(Ngày nhận bài: 12/11/2014; Ngày phản biện đánh giá: 21/12/2014; Ngày duyệt đăng bài: 03/01/2015).